

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: 1214 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Định, ngày 06 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Kế hoạch chi năm 2024
của Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Quyết định số 2751/QĐ-UBND ngày 25/8/2022 của UBND tỉnh về việc kiện toàn Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 05/2022/QĐ-UBND ngày 16/3/2022 của UBND tỉnh Ban hành Quy định về nội dung chi, mức chi của Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 04/2024/QĐ-UBND ngày 31/01/2024 của UBND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về nội dung chi, mức chi của Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh kèm theo Quyết định số 05/2022/QĐ-UBND ngày 16/3/2022 của UBND tỉnh.

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Văn bản số 99/TTr-SNN ngày 29/03/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch chi năm 2024 của Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh với tổng số tiền là **29.550.963.000 đồng** (Hai mươi chín tỷ, năm trăm năm mươi triệu, chín trăm sáu mươi ba ngàn đồng), cụ thể như sau:

- Chi hỗ trợ cho các hoạt động ứng phó thiên tai: 370.572.000 đồng;
- Chi cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả sau thiên tai: 17.724.941.000 đồng;
- Chi hỗ trợ các hoạt động phòng ngừa: 11.099.100.000 đồng;
- Chi phí hoạt động của Quỹ: 356.350.000 đồng.

Điều 2. Thực hiện chi theo kết luận Kiểm toán nhà nước (sử dụng tiền lãi ngân hàng của Quỹ PCTT tỉnh để chi trả) với số tiền là **460.881.000 đồng** (Bốn trăm sáu mươi triệu, tám trăm tám mươi mốt ngàn đồng).

(Chi tiết có phụ lục I, II và I.1-4 kèm theo)

Điều 2. Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và PTNT, Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCTTT UBND tỉnh N. T. Thanh;
- Lưu: VT, K19.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

PHỤ LỤC I

KẾ HOẠCH CHI NĂM 2024 CỦA QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI TỈNH BÌNH ĐỊNH

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /4/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Nội dung chi	Kinh phí (đồng)		Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Năm 2023	Năm 2024		
1	Chi hỗ trợ cho các hoạt động ứng phó thiên tai	269.664.000	370.572.000		
	Hỗ trợ cho lực lượng thường trực trực ban chỉ huy, chỉ đạo ứng phó thiên tai cấp tỉnh: Kinh phí trực ban Văn phòng Thường trực về phòng, chống thiên tai tỉnh	269.664.000	370.572.000	Văn phòng thường trực về PCTT	Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 3 Quy định về nội dung chi, mức chi của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Bình Định (Ban hành kèm theo Quyết định số 05/2022/QĐ-UBND ngày 16/3/2022 của UBND tỉnh) - Khái toán theo Phụ lục 1
2	Chi cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả sau thiên tai		17.724.941.000		
a	Hỗ trợ kinh phí tu sửa, xử lý và xây dựng khẩn cấp công trình phòng, chống thiên tai: Xây dựng tường chắn ngăn triều trên đê Đông đoạn qua xã Phước Thắng và xã Cát Chánh	825.861.000	1.724.941.000	Chi cục Thủy lợi	Quyết định số 3940/QĐ-UBND ngày 25/10/2023 của UBND tỉnh về việc Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật. Tổng dự toán 2.550.802.000 đồng
b	Xây dựng khắc phục các công trình Phòng, chống thiên tai khác (Quỹ phòng chống thiên tai hỗ trợ 30% tổng dự toán, nhưng không lớn hơn 3 tỷ đồng)		16.000.000.000	UBND cấp huyện	Theo Quyết định của UBND tỉnh
3	Chi hỗ trợ các hoạt động phòng ngừa		11.099.100.000		

TT	Nội dung chi	Kinh phí (đồng)		Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Năm 2023	Năm 2024		
a	Kế hoạch quản lý lũ tổng hợp lưu vực sông Lại Giang-Tam Quan		2.600.000.000	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND tỉnh phê duyệt Đề cương nhiệm vụ tại Quyết định 4372/QĐ-UBND ngày 26/11/2023; Dự toán đang trình Sở Nông nghiệp thẩm định với kinh phí 4.685.739.000 đồng
b	Dự án Đo vẽ bình đồ lòng hồ, xây dựng đường đặc tính hồ chứa nước (Z-F-V) và lập dữ liệu về bản đồ khu tưới		2.500.000.000	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND tỉnh phê duyệt Đề cương nhiệm vụ tại Quyết định 4074/QĐ-UBND ngày 14/11/2023; Dự toán trình lấy ý kiến Sở Tài chính theo văn bản 4165/SNN-QLXDCT ngày 01/12/2023. Tổng dự toán 3.481.707.000 đồng
c	Diễn tập phương án chữa cháy rừng cấp tỉnh		484.600.000	Sở Nông nghiệp và PTNT	Khái toán theo Phụ lục 2
d	Diễn tập phương án ứng phó với bão, lũ lụt cấp tỉnh		1.114.500.000	Sở Nông nghiệp và PTNT	Khái toán theo Phụ lục 3
d	Hỗ trợ mua sắm, đầu tư phương tiện, trang thiết bị công tác PCTT năm 2024; Hỗ trợ duy trì cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã (tạm tính 400 triệu/1 huyện)		4.400.000.000	UBND cấp huyện	Dự toán do UBND cấp huyện lập; có ý kiến của Sở Nông nghiệp và PTNT; Sở Tài chính thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt
5	Chi phí hoạt động của Quỹ (3% khoản thu). Dự kiến thu Quỹ năm 2024 là 14 tỷ đồng	307.285.480	356.350.000	Cơ quan quản lý Quỹ PCTT tỉnh	Khái toán theo Phụ lục 4
TỔNG CỘNG			29.550.963.000		

PHỤ LỤC II
KẾ HOẠCH THỰC HIỆN KẾ LUẬN KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC CỦA QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI TỈNH
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /4/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Nội dung chi	Kinh phí năm 2024	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
Thực hiện kết luận Kiểm toán nhà nước tại Thông báo số 359/TB-KVIII ngày 27/9/2023				
a	Chi trả kinh phí hoạt động của Quỹ PCTT năm 2020	232.117.247	Cơ quan quản lý Quỹ PCTT tỉnh	Chi từ nguồn thu lãi ngân hàng, kho bạc của Quỹ Phòng chống thiên tai, Trong đó: - Cơ quan quản lý Quỹ nộp: 228.367.950 đồng. - Các huyện (An Lão, Phù Mỹ, Tuy Phước, Vân Canh, Vĩnh Thạnh) nộp: 396.088 đồng
b	Nộp thuế TNDN giai đoạn 2020-2022	228.764.038		
TỔNG CỘNG		460.881.285		

PHỤ LỤC I.1

Khái toán kinh phí trực ban 24/24 giờ phục vụ công tác PCTT-TKCN

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /4/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
A	Dự toán tiền trực ngoài giờ phục vụ công tác PCTT-TKCN	336.883.480
I	Tiền trực bình quân 1 giờ (viết tắt là TTbq)	37.534
	TTbq với hệ số bình quân lương khoảng 3,67: $3,67 \times 1.800.000$ đồng/22 ngày/8 giờ	37.534
II	Thanh toán trực ngoài giờ ngày làm việc, ngày nghỉ, lễ	289.950.852
1	Trực ngày nghỉ hàng tuần: TTbq x số giờ ngày nghỉ hàng tuần x 200%	222.502.091
2	Trực ngày nghỉ lễ, tết: TTbq x số giờ ngày nghỉ lễ, tết x 300%	35.300.813
3	Trực ngoài giờ ngày làm việc hàng tuần: TTbq x số giờ làm việc hàng tuần x 150%	14.131.585
4	Trực bổ sung ngày nghỉ hàng tuần: TTbq x số giờ trực bổ sung x 200%	18.016.364
III	Thanh toán phụ cấp trực ban đêm	46.932.627
	Phụ cấp ban đêm: TTbq x số giờ phụ cấp ban đêm x 30%	46.932.627
B	Dự phòng chi cho việc tăng hệ số lương (nếu có) và tăng lương vào ngày 01/7/2024: ước tăng khoảng 20% trong 6 tháng cuối năm	33.688.348
TỔNG CỘNG		370.572.000

PHỤ LỤC I. 2

Khái toán Diễn tập phương án chữa cháy rừng cấp tỉnh

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /4/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Mục chi	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Tiền ăn, nước uống			124.600.000
-	Lực lượng tham gia diễn tập	210 người x 02 ngày	150.000	63.000.000
-	Lực lượng dân quân, chủ rừng	91 người x 02 ngày	300.000	54.600.000
-	Đại biểu khách mời	70 người x 01 ngày	100.000	7.000.000
2	Tiền xăng, dầu phương tiện			170.000.000
-	Xe chữa cháy	04 xe x 02 lượt	4.000.000	32.000.000
-	Xe chở người, dụng cụ, phương tiện diễn tập	18 xe x 02 lượt	3.000.000	108.000.000
-	Xăng, dầu phương tiện dụng cụ chữa cháy			30.000.000
3	Công phát thực bì, chuẩn bị hiện trường diễn tập	100 công	400.000	40.000.000
4	Tiền photo tài liệu, vật tư y tế			20.000.000
5	Kinh phí tổ chức cuộc họp ghi hình tại UBND cấp huyện, xã			30.000.000
6	Kinh phí rà phá, bom mìn			100.000.000
Tổng cộng				484.600.000

PHỤ LỤC I.3

Khái toán Diễn tập phương án ứng phó với bão, lũ lụt cấp tỉnh

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /4/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Mục chi	Số lượng (người)	Thời gian (ngày)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Tiền ăn, nước uống				69.500.000	
-	Đại biểu khách mời	80	1	100.000	8.000.000	
-	Lực lượng tham gia Thành phần Hợp cơ chế, triển khai công tác, đánh giá rút kinh nghiệm	30	1	100.000	3.000.000	
-	Lực lượng đơn vị hành chính tham gia	20	2	150.000	6.000.000	Lực lượng y tế, cán bộ cấp huyện
-	Lực lượng dân quân, công an	150	1	300.000	45.000.000	
-	Các hộ dân tham gia	50	1	150.000	7.500.000	
2	Chi phí lực lượng tham gia diễn tập	50	3	300.000	45.000.000	Đối với lực lượng không hưởng lương, người dân tham gia diễn tập (chi phí thỏa thuận)
3	Tiền xăng, dầu phương tiện		5	100.000.000	500.000.000	Dự kiến
	Xe chữa cháy, xe cứu thương					
	Xe chở người, dụng cụ, phương tiện diễn tập					
	Xe chở người di dời theo kịch bản diễn tập					
	Xăng, dầu phương tiện dụng cụ phục vụ trong diễn tập					
	Thuê thuyền, canô thực hiện trên sông					

TT	Mục chi	Số lượng (người)	Thời gian (ngày)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
4	Chi phí thuê sân bãi, dựng sân khấu, khán đài			50.000.000	50.000.000	Dự kiến
5	Tiền pho tô tài liệu			20.000.000	20.000.000	
6	Kinh phí tổ chức ghi hình các phân cảnh chiếu video và cuộc họp cơ chế tại UBND cấp huyện		3	10.000.000	30.000.000	
7	Kinh phí cho các lực lượng luyện tập, tổng duyệt kịch bản trước khi diễn tập chính thức		3	100.000.000	100.000.000	
8	Kinh phí rà phá, bom mìn			100.000.000	100.000.000	
9	Chi phí khác			200.000.000	200.000.000	
TỔNG CỘNG					1.114.500.000	

PHỤ LỤC I.4
KHAI TOÁN KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG NĂM 2024 CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ QUỸ PCTT TỈNH
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /4/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Nội dung	Dự toán năm 2023	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Ghi chú
1	Bì thư khổ 16x24	4.000.000		1.200.000	
2	Cước gửi công văn	58.000.000	39.842.480	58.000.000	
3	Mực sặc máy in, máy photo, mực đóng dấu	4.400.000		4.400.000	
4	Giấy A4	3.750.000	718.000	3.000.000	
5	Thuê xe ô tô hoặc xăng xe ô tô, công tác phí cho tài xế	12.000.000		40.000.000	
6	In phiếu thu Quỹ PCTT phục vụ cấp huyện, xã	148.560.000	148.560.000	0	
7	Lắp đặt mạng Internet, điện thoại bàn			1.950.000	
8	Chi khác (cước điện thoại bàn, điện, công tác phí, photo, hội	42.719.000	24.865.000	70.000.000	
9	Chi hỗ trợ Hội đồng, Ban kiểm soát và Cơ quan quản lý Quỹ	121.800.000	93.300.000	127.800.000	
9.1	Hội đồng quản lý Quỹ và Ban kiểm soát	42.000.000	42.000.000	42.000.000	
	- Chủ tịch HĐQT: 600.000 đồng/tháng x 12 tháng	7.200.000	7.200.000	7.200.000	
	- Phó Chủ tịch HĐQT: 500.000 đồng/tháng x 12 tháng	6.000.000	6.000.000	6.000.000	
	- Ủy viên: 400.000 đồng/tháng x 4 người x 12 tháng	19.200.000	19.200.000	19.200.000	01 Ủy viên là Giám đốc Quỹ, tính kiêm nhiệm tại mục 9.2
	- Trưởng Ban kiểm soát: 400.000 đồng/tháng x 12 tháng	4.800.000	4.800.000	4.800.000	
	- Thành viên BKS: 200.000 đồng/tháng x 2 người x 12 tháng	4.800.000	4.800.000	4.800.000	
9.2	Bộ phận kiêm nhiệm gồm 09 người (gồm: Giám đốc Quỹ, Phó	79.800.000	51.300.000	85.800.000	
	- Chi hỗ trợ kiêm nhiệm (Giám đốc 1,2*A; Phó giám đốc 1,1*A;	52.800.000	51.300.000	55.800.000	
	- Chi hỗ trợ làm ngoài giờ	27.000.000		30.000.000	
10	Dự phòng	84.771.000		50.000.000	
Tổng cộng		480.000.000	307.285.480	356.350.000	

* Dự kiến thu trong năm 2024: 14.000.000.000 đồng *3%= 420.000.000 đồng.